

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ
thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị
về hội nhập quốc tế trong tình hình mới**

Thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới, UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 59-NQ/TW).

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, hiện thực hóa mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng của hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, góp phần thiết thực xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, phát triển nhanh, bền vững; không ngừng cải thiện toàn diện đời sống nhân dân, vì hạnh phúc của nhân dân; giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Ninh Bình; nâng cao vị thế, uy tín, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; phấn đấu đến năm 2050, xây dựng Ninh Bình thành thành phố trực thuộc Trung ương văn minh, hiện đại, thông minh, có bản sắc riêng, ngang tầm với các đô thị di sản, thành phố sáng tạo trên thế giới.

2. Yêu cầu

- Phân công nhiệm vụ, giao trách nhiệm cho các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan triển khai thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nhiệm vụ cần thiết theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Thực hiện lồng ghép kế hoạch với các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, địa phương trong tỉnh đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 59-NQ/TW đề ra, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các sở, ngành, địa phương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế trong tình hình mới

a) Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 22-KH/TU, ngày 08/9/2025 của Tỉnh ủy Ninh Bình và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng; làm rõ yêu cầu đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển dữ liệu số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và vận dụng các nền tảng trực tuyến trong công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và hội nhập quốc tế.

c) Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

d) Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, về nhận thức, trách nhiệm, sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tiến trình hội nhập quốc tế.

đ) Nâng cao hiệu quả của các cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan đầu mối về đối ngoại và hội nhập quốc tế của tỉnh với trung ương trong việc nhận diện, dự báo tình hình quốc tế, việc điều chỉnh chủ trương, chính sách của các đối tác; kịp thời có kế hoạch, biện pháp, phản ứng chính sách phù hợp, phòng ngừa, hạn chế các tác động tiêu cực, tận dụng tối đa yếu tố thuận lợi và tranh thủ nguồn lực từ quá trình hội nhập quốc tế.

e) Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức về các FTA, nhất là các FTA thế hệ mới (*như Hiệp định CPTPP, hiệp định EVFTA, hiệp định UKVFTA, hiệp định RCEP*) và lộ trình thực hiện các cam kết của Việt Nam, trong đó chú trọng đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, kết nối giao thương, đầu tư ra nước ngoài. Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa; tích cực, chủ động triển khai chủ trương hội nhập quốc tế để ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

2. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số

a) Rà soát, cập nhật và đẩy mạnh triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động về hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm hài hòa, đồng bộ với Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW; bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mới để đáp ứng những yêu cầu mới đặt ra đối với sự phát triển của tỉnh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Xây dựng và triển khai các biện pháp, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại và vướng mắc trong triển khai các thỏa thuận, liên kết kinh tế quốc tế và các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới. Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và triển khai Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA.

c) Hoàn thiện và đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo thuận lợi cho phát triển thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thị trường các-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng. Đẩy mạnh cải cách thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư.

d) Hỗ trợ các tập đoàn kinh tế mở rộng quy mô, nâng cao năng lực dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước, số hóa chuỗi cung ứng và tham gia sâu rộng vào thị trường toàn cầu; hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tích cực hợp tác quốc tế; hình thành và triển khai một số cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để tạo điều kiện cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển đột phá trong một số lĩnh vực mới, tiềm năng; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và mô hình kinh doanh bền vững.

e) Đánh giá, điều chỉnh, cập nhật và nâng cao hiệu quả của chính sách thu hút đầu tư nước ngoài để tạo sức bật cho thu hút đầu tư chất lượng cao, trong đó có FDI, viện trợ phát triển chính thức (ODA) thế hệ mới, tài chính xanh, ưu tiên các dự án có quy mô vốn đầu tư lớn với hàm lượng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, các khu, cụm công nghiệp sinh thái - thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, logistics, cơ sở hạ tầng chiến lược.

g) Xây dựng và triển khai chiến lược thu hút các tập đoàn lớn toàn cầu có vai trò dẫn dắt một số chuỗi cung ứng quan trọng, như công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo..., đầu tư và mở rộng kinh doanh, đầu tư tại Ninh Bình; tăng cường đầu tư, hoàn thiện thể chế, cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực chất lượng cao để thu hút các tập đoàn lớn đầu tư vào trong tỉnh. Kết hợp nhiệm vụ đảm bảo an ninh với phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động hình thành phương án, biện pháp phòng, chống việc lợi dụng hội nhập kinh tế quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia, an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

h) Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ, quản trị, kỹ năng chuyên môn cao cho

doanh nghiệp và người lao động trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy và tăng tỉ lệ nội địa hóa thông qua liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa, nhất là trong các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn, ưu tiên. Nghiên cứu thành lập các Trung tâm tư vấn, xúc tiến công nghiệp hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp FDI - doanh nghiệp nội địa tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm.

i) Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký bảo hộ thương hiệu quốc tế, hình thành và triển khai các cơ chế giám sát sử dụng thương hiệu và các biện pháp bảo hộ bổ sung.

k) Nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường liên kết giữa với khu vực đầu tư nước ngoài và phòng ngừa, ứng phó với các tranh chấp phát sinh trong quan hệ đầu tư, thương mại quốc tế.

l) Triển khai kế hoạch, định hướng thúc đẩy phát triển văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân Việt Nam có khả năng thích ứng cao với môi trường hội nhập và trên cơ sở học hỏi, tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp của quốc tế.

m) Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù về việc phát triển và áp dụng mô hình kinh tế mới, mô hình quản trị và kinh doanh tiên tiến, triển khai khung hỗ trợ một số ngành mới nổi, trong đó có công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng sạch... nhằm tạo động lực tăng trưởng dài hạn.

n) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư.

o) Tiếp tục triển khai chiến lược, kế hoạch tham gia các tổ chức, cơ chế hợp tác song phương, đa phương và nhiều bên về kinh tế, thương mại, đầu tư, tài chính - tiền tệ.

p) Nghiên cứu, đề xuất tham gia các dự án hạ tầng giao thông kết nối trong khu vực, góp phần xây dựng một mạng lưới giao thông vận tải đồng bộ và hiệu quả.

3. Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước

a) Triển khai hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, Đề án và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đối ngoại, trong đó có Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023 của Bộ Chính trị về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội Đảng lần thứ XIII, Kết luận số 82-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và đối ngoại Công an nhân dân đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 23/7/2023 của Bộ Chính trị về đảm bảo vững chắc an ninh quốc phòng trong quá trình hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng.

b) Triển khai hiệu quả Kết luận số 125-KL/TW ngày 14/02/2025 của Ban Bí thư về tăng cường thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030.

c) Xây dựng và triển khai các cơ chế hợp tác quốc tế về chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm và phối hợp ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống; thiết lập và mở rộng hợp tác về an ninh, tình báo; tăng cường hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài, hợp tác thực thi pháp luật trong khu vực và toàn cầu. Chủ động nắm bắt, đánh giá đúng tình hình, tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp phát sinh, không để xảy ra các vấn đề đột xuất, bất ngờ; bảo đảm tuyệt đối an toàn các sự kiện tổ chức tại địa phương.

4. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước

a) Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhất là các giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Tiếp tục triển khai hiệu quả các điều ước, thỏa thuận quốc tế đã ký kết trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

c) Vận động các đối tác quốc tế hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, khởi nghiệp và bắt kịp các xu hướng mới nổi lên về khoa học, công nghệ.

d) Vận động mạnh mẽ các tập đoàn công nghệ toàn cầu thiết lập trung tâm nghiên cứu và phát triển và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù để tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư tại tỉnh đối với lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn, lĩnh vực nghiên cứu và phát triển. Hình thành và triển khai các cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia Mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu và các cơ chế hợp tác khác phù hợp. Tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung nguồn lực xây dựng, thu hút đầu tư và đưa vào hoạt động hiệu quả các cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, nhất là Khu công nghệ cao Hà Nam, Khu Đại học Nam Cao. Tăng cường kết nối các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ giữa các trường đại học trong Khu Đại học Nam Cao với các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp công nghệ cao...

e) Tiếp tục thúc đẩy hợp tác về phát triển nhân lực chất lượng cao với các đối tác và các tổ chức quốc tế, nhất là các đối tác phát triển, có kỹ năng quản trị, làm chủ các công nghệ tiên tiến và chất lượng giáo dục đào tạo cao. Tăng cường xây dựng và triển khai các mô hình hợp tác đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, các ngành mới nổi và các lĩnh vực đổi mới sáng tạo. Tiếp tục làm mới và đa dạng hóa các cơ chế, chính sách nhằm thu hút và trọng dụng nhân tài, bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học và trí thức quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài.

5. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác

a) Mở rộng, đa dạng hóa và làm sâu sắc các cơ chế hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác phù hợp với lợi ích và điều kiện cụ thể của tỉnh.

b) Rà soát và triển khai các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế, lao động, nông nghiệp và các lĩnh vực khác.

c) Vận động các đối tác, tổ chức quốc tế chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao tri thức, kỹ năng và hỗ trợ tài chính cho tỉnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp nội dung. Xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển các sản phẩm, thương hiệu văn hóa có chất lượng và năng lực cạnh tranh toàn cầu. Hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách nhằm giám sát, quản lý và ngăn chặn sự xâm nhập của sản phẩm văn hóa không lành mạnh vào Việt Nam.

d) Đăng cai tổ chức các sự kiện quốc tế lớn về văn hóa, thể thao và du lịch tầm khu vực và quốc tế, gắn với các hoạt động đối ngoại đa phương cấp cao mà Việt Nam sẽ đăng cai từ nay đến năm 2030. Xây dựng kế hoạch/lộ trình tham gia các sự kiện quốc tế lớn về văn hóa, thể thao và du lịch, phấn đấu tạo dấu ấn, thành tích cao tại các hoạt động này.

e) Huy động nguồn lực và tri thức quốc tế để xây dựng, hoàn thiện và triển khai các thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực và hoạt động văn hóa; triển khai Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng di sản văn hóa số và hệ sinh thái văn hóa số.

g) Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong lĩnh vực lao động - xã hội, triển khai thực hiện các công ước quốc tế, thỏa thuận, hiệp định đã ký kết, chú trọng nâng cao chất lượng sống và điều kiện của người lao động và tập trung vào các thị trường có thu nhập cao, tiêu chuẩn lao động cao, tiên tiến.

h) Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm tạo đột phá cho phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao kỹ năng học tập suốt đời, năng lực và năng suất của lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh.

k) Tích cực vận động, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật và tài chính một cách chủ động, có trọng tâm, trọng điểm để phục vụ triển khai các nhiệm vụ hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế chưa bố trí đủ kinh phí.

l) Vận động các đối tác quốc tế hỗ trợ nguồn lực và tri thức trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khẩn trương tháo gỡ, khắc phục các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách trong triển khai các dự án liên quan đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, chuyển đổi năng lượng, phát triển năng lượng sạch và biến đổi khí hậu, gắn với việc bảo vệ

các lợi ích và an ninh quốc gia. Triển khai hiệu quả các cam kết quốc tế và đóng góp có trách nhiệm vào các nỗ lực quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học và ô nhiễm môi trường.

m) Rà soát hiệu quả triển khai các thỏa thuận, hiệp định, cơ chế hợp tác đã được thiết lập trong lĩnh vực du lịch, và đề xuất ký kết, tham gia các thỏa thuận, hiệp định hợp tác mới, chú trọng các thị trường có tiềm năng, có nguồn khách lớn, có mức chi tiêu cao và lưu trú dài ngày. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và địa phương phát triển các dịch vụ và sản phẩm du lịch chất lượng cao; thu hút hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư và đào tạo nhân lực chất lượng cao về du lịch. Tham gia các sáng kiến hợp tác, liên kết về du lịch ở tiểu vùng và khu vực ASEAN, và chủ động đề xuất các sáng kiến hợp tác mới nhằm phát huy các thế mạnh du lịch của tỉnh.

n) Triển khai hiệu quả Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy việc ứng dụng các nền tảng số trong triển khai công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao số. Xây dựng Chiến lược quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài. Xây dựng và triển khai các cơ chế nhằm đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

6. Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước

a) Rà soát và tổng kết việc triển khai Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng và triển khai hiệu quả các chiến lược, kế hoạch hội nhập quốc tế theo ngành, lĩnh vực. Lồng ghép các nhiệm vụ hội nhập quốc tế vào trong chương trình công tác, kế hoạch công tác của các sở, ban, ngành, địa phương.

b) Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về hội nhập quốc tế, tăng cường tính tương thích giữa các cam kết, thỏa thuận quốc tế với các quy định của nội luật, cải thiện năng lực thực thi trên các lĩnh vực; đẩy mạnh số hóa và ứng dụng công nghệ trong giám sát, kiểm tra thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

c) Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

d) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương trong việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực phụ trách. Thành lập Ban Chỉ đạo về việc rà soát, đôn đốc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều phối công tác hội nhập quốc tế; phát huy vai trò tích cực, chủ động của các địa phương

a) Kiện toàn, tổ chức lại Ban chỉ đạo về hội nhập quốc tế tỉnh, các cơ quan chuyên trách về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Kiện toàn, tổ chức lại bộ phận phụ

trách công tác ngoại vụ và hội nhập quốc tế theo hướng tinh gọn, mạnh, hiện đại, chuyên nghiệp.

b) Nâng cao chất lượng, đa dạng các kênh, khuôn khổ và hình thức phối hợp, trao đổi thông tin giữa tỉnh với các bộ, cơ quan đầu mối đối ngoại và hội nhập quốc tế của trung ương, phù hợp với thực tiễn công tác.

c) Xây dựng và triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế và cập nhật, điều chỉnh phù hợp với tình hình mới. Có hình thức biểu dương, nhân rộng các tấm gương điển hình thực hiện tốt chủ trương, chính sách pháp luật trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

d) Xây dựng và thực hiện các hình thức quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của vùng miền, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường du lịch và phát triển thương hiệu du lịch, hình thành các sáng kiến liên kết du lịch trong khu vực; hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh kết nối với các doanh nghiệp lớn quốc tế để tiếp cận thị trường, nguồn vốn và công nghệ quốc tế, tham gia chuỗi sản xuất khu vực và quốc tế; nâng cao hiệu quả của các hoạt động tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin, dự báo thị trường quốc tế, ứng phó với các biện pháp bảo hộ, phòng vệ của các nước; đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất, kinh doanh và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc thù của địa phương.

e) Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa đặc trưng của vùng miền; tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển ngành công nghiệp văn hóa, tạo ra các sản phẩm văn hóa đặc trưng có sức cạnh tranh quốc tế; tăng cường kết nối, hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục - đào tạo của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế và các lĩnh vực khác.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch, Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này (*Phụ lục kèm theo*). Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo cho Sở Công Thương để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế và Bộ Ngoại giao.

2. Sở Công Thương chủ trì, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên, lồng ghép trong nguồn kinh phí khuyến công, xúc tiến thương mại và các chương trình, kế hoạch khác của tỉnh để

thực hiện kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu vướng mắc phát sinh, các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan kịp thời có văn bản gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- BCD quốc gia về hội nhập quốc tế;
- Bộ Ngoại giao;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP5,9.

NVT_VP9_KHNQ59-NQ/TU

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Sơn

Phụ lục:
DANH SÁCH CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ
QUYẾT 59/NQ-CP NGÀY 24/01/2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ
TRONG TÌNH HÌNH MỚI

(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày...../...../2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế trong tình hình mới			
1.1	Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 59-NQ/TW và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026
1.2	Đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ số và vận dụng các nền tảng trực tuyến trong công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và hội nhập quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026
1.3	Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35- NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, về nhận thức, trách nhiệm, sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tiến trình hội nhập quốc tế.	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh	Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy; Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
1.4	Nâng cao hiệu quả của các cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin	Sở Công	Các sở, ngành,	Thường xuyên

	giữa các cơ quan đầu mối về đối ngoại và hội nhập quốc tế của tỉnh với trung ương trong việc nhận diện, dự báo các tác động tiêu cực, các mặt trái trong tiến trình hội nhập quốc tế để kịp thời xây dựng các kế hoạch, biện pháp ứng phó hiệu quả.	Thương	đơn vị liên quan	
2	Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số			
2.1	Rà soát, cập nhật và đẩy mạnh triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động về hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm hài hòa, đồng bộ với Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW; bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mới để đáp ứng những yêu cầu mới đặt ra đối với sự phát triển của tỉnh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026
2.2	Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và triển khai Đề án xây dựng Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2.3	Hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển thị trường các-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026
2.4	Hỗ trợ các tập đoàn kinh tế mở rộng quy mô, nâng cao năng lực dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước, số hóa chuỗi cung ứng và tham gia sâu rộng vào thị trường toàn cầu; hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tích cực hợp tác quốc tế; hình thành và triển khai một số cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để tạo điều kiện cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển đột phá trong một số lĩnh vực mới, tiềm năng; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và mô hình kinh doanh bền vững.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên

2.5	Đánh giá, điều chỉnh, cập nhật và nâng cao hiệu quả của chính sách thu hút đầu tư nước ngoài để tạo sức bật cho thu hút đầu tư chất lượng cao, trong đó có FDI, ODA thể hệ mới, tài chính xanh, ưu tiên các dự án có quy mô vốn đầu tư lớn với hàm lượng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, các khu, cụm công nghiệp sinh thái - thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, logistics, cơ sở hạ tầng chiến lược.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2.6	Xây dựng và triển khai chiến lược thu hút các tập đoàn lớn toàn cầu có vai trò dẫn dắt một số chuỗi cung ứng quan trọng, như công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo..., đầu tư và mở rộng kinh doanh, đầu tư tại Ninh Bình; tăng cường đầu tư, hoàn thiện thể chế, cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực chất lượng cao để thu hút các tập đoàn lớn đầu tư vào trong tỉnh. Xây dựng các danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư. Tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư để giới thiệu tiềm năng và chính sách ưu đãi của tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2.7	Kết hợp tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh với phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động hình thành phương án, biện pháp phòng, chống việc lợi dụng hội nhập kinh tế quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia, bảo đảm giải quyết, xử lý hiệu quả các tình huống gây mất an ninh trật tự liên quan đến yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2.8	Thực hiện các chương trình hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm xuất khẩu của tỉnh tại thị trường quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2.9	Nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong công tác hỗ trợ doanh	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên

	nghiệp trong nước tăng cường liên kết giữa với khu vực đầu tư nước ngoài và phòng ngừa, ứng phó với các tranh chấp phát sinh trong quan hệ đầu tư, thương mại quốc tế.			
2.10	Xây dựng và triển khai các chương trình/định hướng thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân Việt Nam có khả năng thích ứng cao với môi trường hội nhập qua đó học hỏi, tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp của quốc tế.	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026
2.11	Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù về việc phát triển và áp dụng mô hình kinh tế mới, mô hình quản trị và kinh doanh tiên tiến, triển khai khung hỗ trợ một số ngành mới nổi, trong đó có công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng sạch... nhằm tạo động lực tăng trưởng dài hạn.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2.12	Duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ của tỉnh nhằm giúp các doanh nghiệp có đầy đủ thông tin về nguồn cung và nhu cầu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2.12	Tổ chức hội nghị đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời giải đáp vướng mắc về chính sách, quy định của pháp luật trong hoạt động xuất nhập khẩu	Chi cục Hải quan khu vực IV	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm
3	Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước			
3.1	Triển khai hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, Đề án và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đối ngoại, trong đó có Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023 của Bộ Chính trị về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội Đảng lần thứ XIII, Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 23/7/2023 của Bộ Chính trị về đảm bảo vững chắc an ninh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Định kỳ báo cáo hàng năm

	quốc phòng trong quá trình hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng.			
3.2	Triển khai hiệu quả Kết luận số 82-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và đối ngoại Công an nhân dân đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Định kỳ báo cáo hằng năm
3.3	Xây dựng và triển khai các cơ chế hợp tác quốc tế về chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm và phối hợp ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống; thiết lập và mở rộng hợp tác về an ninh, tình báo; tăng cường hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài, hợp tác thực thi pháp luật trong khu vực và toàn cầu. Triển khai các kế hoạch, phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện tổ chức tại tỉnh Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.	Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Định kỳ báo cáo hằng năm
4	Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước			
4.1	Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhất là các giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
4.2	Triển khai hiệu quả các điều ước, thỏa thuận quốc tế đã ký kết trong lĩnh vực khoa học công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
4.3	Vận động các đối tác quốc tế hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, khởi nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên

	Hướng dẫn việc thực hiện đăng ký bảo hộ tại nước ngoài cho các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu của sản phẩm.			
4.4	Thúc đẩy hợp tác về phát triển nhân lực chất lượng cao với các đối tác và các tổ chức quốc tế, nhất là các đối tác phát triển, có kỹ năng quản trị, làm chủ các công nghệ tiên tiến và chất lượng giáo dục đào tạo cao. Xây dựng và triển khai các mô hình hợp tác đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, các ngành mới nổi và các lĩnh vực đổi mới sáng tạo.	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5	Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác			
5.1	Mở rộng, đa dạng hóa và làm sâu sắc các cơ chế hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác phù hợp với lợi ích và điều kiện cụ thể của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5.2	Rà soát và triển khai các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế, lao động, nông nghiệp và các lĩnh vực khác.	Các sở, ngành	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5.3	Vận động các đối tác, tổ chức quốc tế chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao tri thức, kỹ năng và hỗ trợ tài chính cho tỉnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp nội dung. Xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển các sản phẩm, thương hiệu văn hóa có chất lượng và năng lực cạnh tranh toàn cầu. Hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách nhằm giám sát, quản lý và ngăn chặn sự xâm nhập của sản phẩm văn hóa không lành mạnh vào Việt Nam.	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên

5.4	Đăng cai tổ chức các sự kiện quốc tế lớn về văn hóa, thể thao và du lịch tầm khu vực và quốc tế, gắn với các hoạt động đối ngoại đa phương cấp cao mà Việt Nam sẽ đăng cai từ nay đến năm 2030. Xây dựng kế hoạch/lộ trình tham gia các sự kiện quốc tế lớn về văn hóa, thể thao và du lịch, phân đầu tạo dấu ấn, thành tích cao tại các hoạt động này.	Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du Lịch	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5.5	Huy động nguồn lực và tri thức quốc tế để xây dựng, hoàn thiện và triển khai các thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực và hoạt động văn hóa; triển khai Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng di sản văn hóa số và hệ sinh thái văn hóa số.	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5.6	Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong lĩnh vực lao động - xã hội, triển khai thực hiện các công ước quốc tế, thỏa thuận, hiệp định đã ký kết, chú trọng nâng cao chất lượng sống và điều kiện của người lao động và tập trung vào các thị trường có thu nhập cao, tiêu chuẩn lao động cao, tiên tiến.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5.7	Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm tạo sự đột phá cho phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao kỹ năng học tập suốt đời, năng lực và năng suất của lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh ở tất cả các cấp học phổ thông	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5.8	Tích cực vận động, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật và tài chính một cách chủ động, có trọng tâm, trọng điểm để phục vụ triển khai các nhiệm vụ hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế chưa bố trí đủ kinh phí.	Các sở, ngành, địa phương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5.9	Vận động các đối tác quốc tế hỗ trợ nguồn lực và tri thức trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên

	nguyên, bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khẩn trương tháo gỡ, khắc phục các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách trong triển khai các dự án liên quan đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, chuyển đổi năng lượng, phát triển năng lượng sạch và biến đổi khí hậu, gắn với việc bảo vệ các lợi ích và an ninh quốc gia. Triển khai hiệu quả các cam kết quốc tế và đóng góp có trách nhiệm vào các nỗ lực quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học và ô nhiễm môi trường. Triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu			
5.10	Rà soát hiệu quả triển khai các thỏa thuận, hiệp định, cơ chế hợp tác đã được thiết lập trong lĩnh vực du lịch, và đề xuất ký kết, tham gia các thỏa thuận, hiệp định hợp tác mới, chú trọng các thị trường có tiềm năng, có nguồn khách lớn, có mức chi tiêu cao và lưu trú dài ngày. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và địa phương phát triển các dịch vụ và sản phẩm du lịch chất lượng cao; thu hút hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư và đào tạo nhân lực chất lượng cao về du lịch. Tham gia các sáng kiến hợp tác, liên kết về du lịch ở tiểu vùng và khu vực ASEAN, và chủ động đề xuất các sáng kiến hợp tác mới nhằm phát huy các thế mạnh du lịch của tỉnh.	Sở Du lịch	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5.11	Triển khai hiệu quả Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy việc ứng dụng các nền tảng số trong triển khai công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao số. Xây dựng Chiến lược quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài. Xây dựng và triển khai các cơ chế nhằm đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và khai thác dữ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên

	liệu, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.			
5.12	Tăng cường năng lực phòng, chống dịch bệnh xuyên biên giới: Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện sớm, đáp ứng nhanh và kiểm soát hiệu quả các dịch bệnh mới nổi, tái nổi và có nguy cơ lây lan toàn cầu, chủ động ứng phó hiệu quả với các nguy cơ dịch bệnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Sở Y tế	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
6	Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước			
6.1	Rà soát và tổng kết việc triển khai Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026
6.2	Xây dựng và triển khai hiệu quả các chiến lược/kế hoạch hội nhập quốc tế theo ngành, lĩnh vực. Lồng ghép các nhiệm vụ hội nhập quốc tế vào trong chương trình công tác, kế hoạch công tác của các sở, ngành, địa phương.	Các sở, ngành, địa phương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026
6.3	Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về hội nhập quốc tế, tăng cường tính tương thích giữa các cam kết, thỏa thuận quốc tế với các quy định của nội luật, cải thiện năng lực thực thi trên các lĩnh vực; đẩy mạnh số hóa và ứng dụng công nghệ trong giám sát, kiểm tra thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế.	Các sở, ngành	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
6.4	Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp.	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Từ nay đến năm 2030
6.5	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương trong việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực phụ trách.	Các sở, ngành	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
6.6	Thành lập Ban Chỉ đạo về việc rà soát, đôn đốc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026

	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để chủ động thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế và cam kết trong quá trình hội nhập quốc tế			
6.7	Phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Bộ Công Thương thực hiện các biện pháp cảnh báo sớm trong phòng vệ thương mại. Hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo cam kết quốc tế.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Từ nay đến năm 2030
7	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều phối công tác hội nhập quốc tế; phát huy vai trò tích cực, chủ động của các địa phương			
7.1	Kiện toàn, tổ chức lại Ban chỉ đạo hội nhập quốc tế tỉnh.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	
7.2	Nâng cao chất lượng, đa dạng các kênh, khuôn khổ và hình thức phối hợp, trao đổi thông tin giữa tỉnh với các bộ, cơ quan đầu mối đối ngoại và hội nhập quốc tế của trung ương, phù hợp với thực tiễn công tác.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
7.3	Xây dựng và triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế và cập nhật, điều chỉnh phù hợp với tình hình mới.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
7.4	Mở rộng hợp tác, kết nghĩa với các địa phương quốc tế có tiềm năng nhằm tranh thủ kinh nghiệm, nguồn lực phục vụ phát triển; tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
7.5	Thực hiện các hình thức biểu dương, nhân rộng các tấm gương điển hình thực hiện tốt chủ trương, chính sách pháp luật trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.	Các sở, ngành	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên

7.6	Xây dựng và thực hiện các hình thức quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của vùng miền, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường du lịch và phát triển thương hiệu du lịch, hình thành các sáng kiến liên kết du lịch trong khu vực.	Sở Du lịch	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thường xuyên
-----	---	------------	---------------------------------	--------------